

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Nam.

- Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Số H, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trương Thanh T, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: bà và ông T thông qua quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2007, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn thì 02 vợ chồng về sống chung với gia đình chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T tự vay tiền và làm ăn thua lỗ nhiều lần nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, bà cũng khuyên ngăn nhưng không được và sau đó phát hiện ông T có người phụ nữ khác bên ngoài. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Tâm C, sinh ngày 06/9/2008 và Trương Kỳ Nam L, sinh ngày 25/10/2013 hiện nay đang sống chung với bà N.

Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Trương Thanh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, bà N được ly hôn ông T; Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Tâm C, sinh ngày 06/9/2008 và Trương Kỳ Nam L, sinh ngày 25/10/2013. Đề nghị giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng cấp dưỡng cho 02 con chung 1.800.000 đồng. Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh T. Ông T có nơi cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trương Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tại Phiếu yêu cầu xác minh ngày 03/4/2024 thì ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, bà N đã cung cấp đúng địa chỉ của ông T. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng từ năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông T nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà N xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông T, hôn nhân không hạnh phúc, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Trương Tâm C, sinh ngày 06/9/2008 và Trương Kỳ Nam L, sinh ngày 25/10/2013. Từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay thì bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Trong thời gian các cháu sống với mẹ đã ổn định về điều kiện sinh hoạt, môi trường học tập, tâm tư, tình cảm của các cháu gắn liền với mẹ. Mặt khác, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 02/4/2024 cháu C, cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật, theo quy định tại Khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”* và quy định tại Mục 2 Phần III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Mức lương cơ sở hiện nay là 1.800.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Trương Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng cho mỗi cháu số tiền 900.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà N trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Trương Thanh T.
- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Trương Tâm C, sinh ngày 06/9/2008 và Trương Kỳ Nam L, sinh ngày 25/10/2013.

Bà Nguyễn Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Trương Thanh T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng: Buộc ông Trương Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Trương Tâm C, sinh ngày 06/9/2008 và Trương Kỳ Nam L, sinh ngày 25/10/2013, mỗi tháng cấp dưỡng cho mỗi cháu số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001714 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà N đã nộp xong.

Ông Trương Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên